

Số: 917/QĐ-ĐHKT

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Căn cứ Quyết định số 126/2002/QĐ-TTg ngày 27/9/2002 của Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐDH ngày 20/5/2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 05/12/2022 của Hội đồng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;


Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-ĐHH ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động của Đại học Huế;

Theo đề nghị của Trường Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hội đồng trường;
- Lưu: VT, TC-HC. NMH.

HIỆU TRƯỞNG


Trương Tấn Quân

QUY ĐỊNH

Về xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 317/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý

1. Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
3. Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;
4. Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;
5. Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20/5/2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;
6. Quyết định số 1884/QĐ-ĐHH ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động của Đại học Huế;
7. Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 05/12/2022 của Hội đồng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ, thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Viên chức và người lao động (VC&NLĐ) hạng III trở lên: là VC&NLĐ giữ các chức danh nghề nghiệp giảng viên và chuyên viên, trong đó:

a) Giảng viên: Là viên chức (hoặc hợp đồng lao động) đang đảm nhận công việc giảng dạy, nghiên cứu, được quy định trong Đề án vị trí việc làm hiện hành của trường, giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), giảng viên chính (hạng II), giảng viên (hạng III).

b) Chuyên viên: Là viên chức (hoặc hợp đồng lao động) đang đảm nhận công việc hành chính, được quy định trong Đề án vị trí việc làm hiện hành của trường, giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên cao cấp và tương đương (hạng I), chuyên viên chính và tương đương (hạng II), chuyên viên và tương đương (hạng III).

2. VC&NLĐ hạng IV trở xuống: Là nhân viên hợp đồng lao động đang đảm nhận công việc thực thi, thừa hành, phục vụ và hỗ trợ, được quy định trong Đề án vị trí việc làm hiện hành của trường, giữ chức danh nghề nghiệp cán sự, nhân viên phục vụ và tương đương (sau đây gọi chung là nhân viên).

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình thực hiện xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và xét nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu đối với VC&NLĐ của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Viên chức trong chỉ tiêu biên chế và được xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

b) Người lao động là lao động hợp đồng được giao kết hợp đồng không xác định thời hạn (áp dụng với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ).

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Đảm bảo tính công bằng, dân chủ, công khai; thúc đẩy hoạt động thi đua lập thành tích xuất sắc trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của VC&NLĐ, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

2. Xét nâng bậc lương trước thời hạn được thực hiện mỗi năm một lần vào cuối năm.

3. Đảm bảo tỷ lệ VC&NLĐ được xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong một năm không quá 10% trên tổng số VC&NLĐ của trường tính đến ngày 31 tháng 12 của năm đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn,

gồm: Giảng viên, Chuyên viên, Nhân viên. Trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng quyết định tỷ lệ phân bổ giữa các nhóm VC&NLĐ trên cơ sở đề xuất của Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn.

4. Nếu tỷ lệ 10% tính trên tổng số VC&NLĐ của trường tại thời điểm 31 tháng 12 của năm đề nghị xét là số thập phân thì chỉ tiêu xét nâng bậc lương trước thời hạn được làm tròn theo nguyên tắc lấy phần nguyên.

Điều 5. Thời gian được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương trước thời hạn

1. Thời gian VC&NLĐ nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Thời gian VC&NLĐ nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

3. Thời gian VC&NLĐ nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

4. Thời gian VC&NLĐ được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

5. Thời gian VC&NLĐ tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự.

Điều 6. Thời gian không được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương trước thời hạn

1. Thời gian VC&NLĐ nghỉ việc riêng không hưởng lương.

2. Thời gian VC&NLĐ đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

3. Thời gian VC&NLĐ bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam, thời gian thi hành các hình thức kỷ luật và các loại thời gian không làm việc khác ngoài quy định tại Điều 5 Quy định này.

4. Thời gian viên chức tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự).

5. Thời gian VC&NLĐ đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.

6. Thời gian thử thách đối với VC&NLĐ bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên thì tính theo thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên.

7. Thời gian VC&NLĐ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành của pháp luật.

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương trước thời hạn quy định tại Điều này (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng.

Điều 7. Các trường hợp không được xét nâng bậc lương trước thời hạn

1. Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng, VC&NLĐ có ít nhất 01 năm được cấp có thẩm quyền quyết định đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở xuống hoặc bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

2. VC&NLĐ đã đủ thời gian xét nâng bậc lương thường xuyên theo quy định trong năm để xét nâng bậc lương thường xuyên (tính đến ngày 31 tháng 12 của năm đề nghị xét).

3. Không thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

4. VC&NLĐ không hoàn thành đề tài các cấp đúng thời hạn theo hợp đồng được ký kết trong thời gian 60 tháng gần nhất (đối với VC&NLĐ hạng III trở lên) và 40 tháng gần nhất (đối với VC&NLĐ hạng IV trở xuống) tính đến thời điểm xét.

5. Các quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp xét nâng bậc lương trước thời hạn khi đã có thông báo nghỉ hưu.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN

XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN

Điều 8. Điều kiện được xét nâng bậc lương trước thời hạn

VC&NLĐ đáp ứng đủ đồng thời các điều kiện sau đây thì được đề nghị xét nâng một bậc lương trước thời hạn:

1. Tính đến ngày 31 tháng 12 của năm đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn, VC&NLĐ nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong chức danh và còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được xét nâng bậc lương thường xuyên thì được xét nâng bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng so với thời gian quy định để được xét nâng bậc lương thường xuyên theo chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong khoảng thời gian 03 năm gần nhất đối với VC&NLĐ hạng III trở lên và 02 năm gần nhất đối với VC&NLĐ hạng IV trở xuống tính đến thời điểm đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn.

3. Riêng đối với VC&NLĐ hạng I ngoài đạt được các điều kiện được quy định tại khoản 1, 2 Điều này thì phải đáp ứng ít nhất một trong các điều kiện sau đây:

a) Hướng dẫn ít nhất 01 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Trường hợp VC&NLĐ hạng I tại các đơn vị chưa được giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ hoặc không tuyển sinh được nghiên cứu sinh thì được thay thế thành tích hướng dẫn nghiên cứu sinh bằng một trong những thành tích sau:

- Hướng dẫn ít nhất 01 sinh viên đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi quốc tế.

- Hướng dẫn 03 sinh viên, học viên đoạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi quốc gia hoặc 03 công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên đoạt giải Nhất, Nhì, Ba giải thưởng sinh viên, học viên nghiên cứu khoa học cấp bộ, giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ” hoặc giải thưởng “Tuổi trẻ sáng tạo” cấp bộ.

b) Chủ biên, đồng chủ biên sách chuyên khảo, giáo trình được xuất bản.

c) Tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) của ít nhất 02 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín (WoS, Scopus) có địa chỉ tác giả là Đại học Huế.

Điều 9. Tiêu chuẩn thành tích xét nâng bậc lương trước thời hạn

1. Tiêu chuẩn thành tích được quy định như sau:

STT	Tiêu chuẩn thành tích	Điểm
1	Thành tích loại 1 (Tiêu chuẩn thành tích theo quy định của Đại học Huế, áp dụng chung đối với tất cả VC&NLĐ)	
1.1	Được tặng thưởng huân, huy chương các loại	10
1.2	Được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân/Anh hùng lao động/Nhà giáo nhân dân/Nhà giáo ưu tú	10
1.3	Đạt giải thưởng Hồ Chí Minh/giải thưởng nhà nước	10
1.4	Được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc	10
1.5	Được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	10
1.6	Được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ/ngành/tỉnh/đoàn thể trung ương	10
1.7	Được tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng/cơ quan ngang bộ/Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10
1.8	Được tặng thưởng Bằng Lao động sáng tạo/Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	10

STT	Tiêu chuẩn thành tích	Điểm
1.9	Đạt Giải thưởng cấp bộ/ngành/tỉnh/đoàn thể trung ương	10
1.10	Được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư trước 50 tuổi	25
1.11	Được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư trước 40 tuổi	20
1.12	Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ đúng hạn và trước 35 tuổi	20
1.13	VC&NLĐ hạng I có ít nhất 04 bài báo khoa học (là tác giả chính), gồm: - Có ít nhất 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (WoS, Scopus), có địa chỉ tác giả là Đại học Huế - Có ít nhất 02 bài báo còn lại đăng trên tạp chí thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng CDGSNN (có điểm tối đa từ 0,75 trở lên)	10đ/bài 2đ/bài
1.14	VC&NLĐ hạng II có ít nhất 02 bài báo (là tác giả chính) được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (WoS, Scopus), có địa chỉ tác giả là Đại học Huế	10đ/bài
1.15	VC&NLĐ hạng III có ít nhất 01 bài báo (là tác giả chính) được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (WoS, Scopus), có địa chỉ tác giả là Đại học Huế	10đ/bài
1.16	Có bằng độc quyền sáng chế hoặc có giấy chứng nhận về giải pháp hữu ích	10
1.17	≥ 02 năm đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở	5đ/1 năm đạt danh hiệu
Tổng điểm thành tích loại 1 (= 1.1 + 1.2 + ... + 1.17)		
2	Thành tích loại 2 (Tiêu chuẩn thành tích theo quy định của Đại học Huế, áp dụng chung đối với tất cả VC&NLĐ)	
2.1	Được tặng thưởng Bằng khen của Công đoàn GD Việt Nam/Bằng khen của các đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp trung ương	5
2.2	Có ít nhất 01 năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở	5
2.3	Có 02 Bằng khen của các đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp cấp tỉnh	2,5đ/bằng khen
2.4	Có 02 Giấy khen của Giám đốc Đại học Huế	2,5đ/giấy khen
2.5	Có 01 Giấy khen của Giám đốc Đại học Huế và 01 Giấy khen của Công đoàn Đại học Huế	2,5đ/giấy khen
2.6	VC&NLĐ đáp ứng đủ đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây: 1) Đạt danh hiệu lao động tiên tiến 06 năm liên tục (VC&NLĐ hạng III trở lên), 04 năm liên tục (VC&NLĐ hạng IV trở xuống) 2) Có một trong các thành tích khen thưởng sau đây: a) 01 giấy khen của Giám đốc Đại học Huế; hoặc 01 Giấy khen của các tổ chức đoàn thể Đại học Huế b) 02 Giấy khen của Hiệu trưởng; hoặc 01 Giấy khen của Hiệu trưởng và 01 Giấy khen của các tổ chức đoàn thể cấp cơ sở	2,5 2,5đ/giấy khen 2đ/giấy khen

STT	Tiêu chuẩn thành tích	Điểm
Tổng điểm thành tích loại 2 (= 2.1 + 2.2 + ... + 2.6)		
3	Thành tích loại 3 (Tiêu chuẩn thành tích bổ sung của Trường Đại học Kinh tế, áp dụng riêng theo từng nhóm VC&NLĐ)	
3.1	Đối với giảng viên	
3.1.1	Hoàn thành vượt định mức giờ giảng quy chuẩn năm học (tính cho mỗi 100% định mức, tối đa 200%)	5
3.1.2	Tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) của bài báo Tạp chí HECDSNN có điểm tối đa từ 0,75 trở lên	2đ/bài
3.1.3	Thành viên bài báo đăng tạp chí WoS, Scopus	Bảng điểm tác giả chính (10đ) chia đều cho số thành viên (kể cả tác giả chính)
3.1.4	Chủ biên, đồng chủ biên giáo trình, sách phục vụ đào tạo đã xuất bản (thuộc danh mục tính điểm do Đại học Huế quy định)	5đ/công trình
3.1.5	Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp nhà nước đã được nghiệm thu đạt yêu cầu	10đ/đề tài
3.1.6	Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp bộ (và tương đương) đã được nghiệm thu đạt yêu cầu	5đ/đề tài
3.1.7	Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp Đại học Huế đã được nghiệm thu và xếp từ loại tốt trở lên	4đ/đề tài
3.1.8	Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp Đại học Huế đã được nghiệm thu và xếp loại khá	3đ/đề tài
3.1.9	Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp trường đã được nghiệm thu và xếp từ loại tốt trở lên	2đ/đề tài
3.1.10	Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp trường đã được nghiệm thu và xếp loại khá	1đ/đề tài
3.1.11	Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trước thời hạn và trở lại đơn vị công tác	15
3.1.12	Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ và trở lại đơn vị công tác	12
3.1.13	Được bổ nhiệm chức danh giáo sư	20
3.1.14	Được bổ nhiệm chức danh phó giáo sư; chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp	15
3.1.15	Được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên chính	2
3.1.16	Được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học	5đ/năm học
3.1.17	Thành viên Ban soạn thảo (bao gồm soạn thảo mới; rà soát, sửa đổi bổ sung) các đề án, dự án, văn bản quản lý, báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo đã được nghiệm thu, ban hành và áp dụng có hiệu quả (có Quyết định thành lập Ban soạn thảo các Đề án, Dự án, Quy định, Quy chế, Chiến lược, ...)	5đ/sản phẩm (đề án, quy định, ...)

STT	Tiêu chuẩn thành tích	Điểm
3.2	Đối với chuyên viên	
3.2.1	Được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên cao cấp	15
3.2.2	Được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính	5
3.2.3	Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trước thời hạn	15
3.2.4	Bảo vệ thành công Luận án tiến sĩ	12
3.2.5	Có sáng kiến cải tiến công việc được nhà trường ghi nhận	2
3.2.6	Thành viên Ban soạn thảo (bao gồm soạn thảo mới; rà soát, sửa đổi bổ sung) các đề án, dự án, văn bản quản lý, báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo đã được nghiệm thu, ban hành và áp dụng có hiệu quả (có Quyết định thành lập Ban soạn thảo các Đề án, Dự án, Quy định, Quy chế, Chiến lược, ...)	5đ/sản phẩm (đề án, quy định, ...)
3.2.7	Chủ nhiệm Đề tài NCKH cấp trường trở lên thuộc lĩnh vực liên quan đến vị trí việc làm đang đảm nhận, đã được nghiệm thu đạt yêu cầu; hoặc thành viên biên soạn giáo trình, sách phục vụ đào tạo đã xuất bản; hoặc tác giả chính bài báo khoa học đăng trên Tạp chí thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng CDGSNN	5đ/công trình
3.2.8	Được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học	5đ/năm học
3.2.9	Có sáng kiến, giải pháp cải tiến công việc liên quan đến VTVL đang đảm nhận, được áp dụng hiệu quả (Được nhà trường ghi nhận trên cơ sở đề xuất của Trường đơn vị)	5đ/sáng kiến
3.3	Đối với nhân viên	
3.3.1	Có sáng kiến, giải pháp cải tiến công việc liên quan đến VTVL đang đảm nhận, được áp dụng hiệu quả (Được nhà trường ghi nhận trên cơ sở đề xuất của Trường đơn vị)	5đ/sáng kiến
3.3.2	Được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học	5đ/năm học
3.3.3	Được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học	3đ/năm học
Tổng điểm thành tích loại 3 (tính theo mỗi nhóm VC&NLĐ)		

2. Cách xác định thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn

a) Thành tích dùng để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoảng thời gian 60 tháng gần nhất đối với VC&NLĐ hạng III trở lên và 40 tháng gần nhất đối với VC&NLĐ hạng IV trở xuống tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

b) Đối với trường hợp đã được xét nâng bậc lương trước thời hạn thì tất cả các thành tích đạt được trước ngày có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn không được tính làm thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn cho lần sau.

Điều 10. Xác định viên chức và người lao động được nâng bậc lương trước thời hạn

1. Nâng bậc lương trước thời hạn được xét theo thứ tự ưu tiên cấp độ thành tích từ cao xuống thấp quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định này (từ thành tích loại 1 đến thành tích loại 2) và tổng điểm thành tích từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu theo quy định. Trong đó, tổng điểm thành tích của VC&NLĐ được tính bằng tổng cộng của tổng điểm thành tích loại 1, tổng điểm thành tích loại 2 và tổng điểm thành tích loại 3.

2. VC&NLĐ được nâng bậc lương trước thời hạn phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn thành tích sau đây:

TT	Thời gian đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn	Đáp ứng đủ các điều kiện
1	Nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng (đối với VC&NLĐ hạng III trở lên); trước thời hạn 08 tháng (đối với VC&NLĐ hạng IV trở xuống)	- Đạt được tất cả các điều kiện tại Điều 8 Quy định này - Đạt ít nhất một trong các thành tích loại 1 - Có tổng điểm thành tích cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu theo quy định.
2	Nâng bậc lương trước thời hạn 06 tháng (đối với VC&NLĐ hạng III trở lên); trước thời hạn 04 tháng (đối với VC&NLĐ hạng IV trở xuống)	- Đạt được tất cả các điều kiện tại Điều 8 Quy định này - Đạt ít nhất một trong các thành tích loại 2 - Có tổng điểm thành tích cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu theo quy định.

3. Trường hợp có từ 2 người trở lên đạt tiêu chuẩn thành tích cùng cấp độ và có tổng điểm thành tích bằng nhau nhưng chỉ tiêu không đủ để xét nâng bậc lương trước thời hạn cho tất cả thì ưu tiên theo thứ tự sau:

a) VC&NLĐ gần đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, nếu không được xét lần này thì sẽ không còn cơ hội để được xét nâng bậc lương trước thời hạn lần sau (trừ trường hợp người đó sẽ được xét nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu theo quy định).

b) VC&NLĐ thuộc diện được xét nâng bậc lương trước thời hạn nhưng chưa được xét do lần xét trước đó đơn vị đã vượt quá chỉ tiêu, trong kỳ này lại tiếp tục lập được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

c) VC&NLĐ có số năm công tác nhiều hơn nhưng chưa được nâng bậc lương trước thời hạn lần nào.

d) VC&NLĐ đạt nhiều thành tích hơn.

e) VC&NLĐ không giữ chức vụ quản lý.

f) VC&NLĐ có công trình nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến trong quá trình công tác được ứng dụng vào thực tế và mang lại hiệu quả cao.

g) VC&NLĐ có diễn biến lương bất hợp lý (thiệt thòi).

Điều 11. Chế độ xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động khi có thông báo nghỉ hưu

1. VC&NLĐ khi có thông báo nghỉ hưu, nếu trong thời gian giữ bậc được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên; không bị xử lý kỷ luật theo quy định; chưa xếp bậc lương cuối cùng trong chức danh và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được xét nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được nâng một bậc lương trước thời hạn 12 tháng.

2. Đối với VC&NLĐ lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và trùng với thời điểm có thông báo nghỉ hưu thì chỉ thực hiện một chế độ xét nâng bậc lương trước thời hạn theo hướng có lợi nhất trong hai chế độ xét nâng bậc lương trước thời hạn.

Chương III

THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN

Điều 12. Thẩm quyền xét nâng bậc lương trước thời hạn

Hiệu trưởng quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với VC&NLĐ hạng III trở xuống; báo cáo Đại học Huế xem xét, quyết định (hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định) nâng bậc lương trước thời hạn đối với VC&NLĐ hạng II trở lên theo quy định phân cấp hiện hành của Đại học Huế.

Điều 13. Quy trình xét nâng bậc lương trước thời hạn

1. Bước 1: Quý IV hàng năm, sau khi Đại học Huế có văn bản hướng dẫn về việc xét nâng bậc lương đợt 2, Phòng Tổ chức – Hành chính chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Hiệu trưởng thông báo, phổ biến công khai đến toàn thể VC&NLĐ trong toàn trường biết về điều kiện, tiêu chuẩn, danh sách thuộc diện được xét nâng bậc lương trước thời hạn để chuẩn bị cập nhật, cung cấp minh chứng thành tích (nếu có) phục vụ cho việc xét nâng bậc lương trước thời hạn; thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Bước 2: Dựa trên nguồn thông tin dữ liệu minh chứng thành tích được quản lý lưu trữ tại các đơn vị (Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Khoa học, công nghệ và Hợp tác

quốc tế, Phòng Đào tạo, và một số đơn vị liên quan khác), Tổ giúp việc Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn tiến hành tổng hợp, lượng hóa tổng điểm thành tích đạt được của VC&NLĐ, thông báo công khai (do Phòng Tổ chức – Hành chính thực hiện) đến toàn thể VC&NLĐ thuộc diện được xét nâng bậc lương trước thời hạn biết để đối chiếu, bổ sung (nếu có) trong 05 ngày làm việc trước khi trình Hội đồng xét duyệt.

3. Bước 3: Tổ chức họp Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn. Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn do Hiệu trưởng quyết định thành lập, phải là số lẻ, tối thiểu 05 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền); các thành viên khác của Hội đồng là Phó hiệu trưởng, đại diện Công đoàn cơ sở, lãnh đạo Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Đào tạo, Phòng Khoa học, công nghệ và Hợp tác quốc tế và 01 chuyên viên tổ chức nhân sự làm thư ký Hội đồng.

Hội đồng có nhiệm vụ kiểm tra, đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn; lập danh sách VC&NLĐ đủ điều kiện báo cáo Hiệu trưởng quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số.

4. Bước 4: Căn cứ biên bản họp Hội đồng, Hiệu trưởng thông báo công khai về kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn đến VC&NLĐ. Sau khi nhận được thông báo, trường hợp VC&NLĐ không nhất trí với kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn thì phản hồi ý kiến trực tiếp đến Tổ giúp việc của Hội đồng để tổng hợp báo cáo, trình Hội đồng xem xét, điều chỉnh (nếu có).

5. Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả, nếu không có ý kiến của VC&NLĐ, Hiệu trưởng quyết định nâng bậc lương trước thời hạn theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Quy trình xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với VC&NLĐ khi có thông báo nghỉ hưu được thực hiện thông qua Hội đồng xét bậc lương trước thời hạn và căn cứ vào thông báo nghỉ hưu và điều kiện, tiêu chuẩn của VC&NLĐ.

Điều 14. Thời điểm tính và hưởng xét nâng bậc lương trước thời hạn

Căn cứ mức được xét nâng bậc lương trước thời hạn (12 tháng, 08 tháng, 06 tháng, 04 tháng), thời điểm tính hưởng bậc lương mới do được xét nâng bậc lương trước thời hạn được tính bằng cách lấy thời điểm dự kiến được xét nâng bậc lương thường xuyên trừ đi số tháng được xét nâng bậc lương trước thời hạn. Trường hợp ngày ký quyết định xét nâng bậc lương trước thời hạn sau thời điểm được tính hưởng bậc lương mới thì VC&NLĐ được truy

lĩnh tiền lương và nộp bảo hiểm xã hội phân chênh lệch tiền lương tăng thêm giữa bậc lương mới so với bậc lương cũ theo đúng quy định hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Cung cấp thông tin dữ liệu phục vụ xét nâng bậc lương trước thời hạn

1. Các đơn vị (khoa, phòng, tổ chức đoàn thể) cung cấp thông tin, dữ liệu (bằng phương thức điện tử) phục vụ công tác xét nâng bậc lương trước thời hạn theo thông báo của Hiệu trưởng và gửi về Phòng Tổ chức – Hành chính để tổng hợp, làm căn cứ báo cáo Hội đồng xét duyệt.

2. Nội dung cung cấp thông tin dữ liệu của từng đơn vị cụ thể như sau:

TT	Đơn vị cung cấp	Nội dung thông tin dữ liệu
1	Phòng Tổ chức – Hành chính	- Dữ liệu diễn biến lương; - Dữ liệu thi đua – khen thưởng; - Dữ liệu đánh giá, xếp loại VC&NLĐ; - Các thông tin dữ liệu phát sinh khác.
2	Phòng Đào tạo	- Khối lượng giờ giảng thực tế của giảng viên; - Các thông tin dữ liệu phát sinh khác.
3	Phòng KHCN&HTQT	- Dữ liệu công trình khoa học của giảng viên đã công bố, xuất bản; - Các thông tin dữ liệu phát sinh khác.
4	Các tổ chức đoàn thể	- Dữ liệu thành tích khen thưởng của tổ chức đoàn thể các cấp; - Các thông tin dữ liệu phát sinh khác.
5	Các đơn vị khác	Cung cấp các thông tin, dữ liệu về tình hình chấp hành các quy định hiện hành của nhà trường và pháp luật và các thông tin dữ liệu phát sinh khác

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này được áp dụng thống nhất trong toàn Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế và có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các đơn vị thuộc trường, cán bộ VC&NLĐ phản ánh kịp thời đến Phòng Tổ chức – Hành chính để báo cáo Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung. *HL*

HIỆU TRƯỞNG



Trương Tấn Quân